

Bản án số: 49/2018/HS-ST
Ngày 05-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phin;

Ông Lương Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS, ngày 15 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/HSST-QĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T (tên gọi khác: Bùi Văn M), sinh ngày 18-7-1982 tại Hải Phòng; ĐKNKTT và trú tại: Phố AL, phường SD, quận HB, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Khánh L và bà Lê Thị K; có vợ là Đào Tuyết N, có hai con: Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Án số .../HSST, ngày ...-...-2003, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; tiền sự: Không; nhân thân: Án số .../HSST, ngày ...-...-1997, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích và Án số .../HSST, ngày ...-...-2004, Tòa án nhân dân quận LC, Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp với hình phạt 06 năm tù tại Bản án số .../HSST, ngày ...-...-2003, của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là 09 năm tù kể từ ngày 08-6-2003; bị tạm giữ ngày 16-01-2018; đến ngày 19-01-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

2. Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 14-6-1979 tại Hải Phòng; ĐKNKTT và trú tại: Phố AL, phường SD, quận HB, Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân Công ty

TNHH Y, Khu công nghiệp N; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Vũ Thị T; có vợ là Cao Thị H, có một con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 16-01-2018; đến ngày 19-01-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Duy D, sinh ngày 21-9-1961 tại Hải Phòng; ĐKNKTT và trú tại: Khu LS, phường SD, quận HB, Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân Công ty Vận tải biển A đã nghỉ hưu; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy D1 (đã chết) và bà Trương Thị Q; có vợ là Phạm Thị T, có hai con: Con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 16-01-2018; đến ngày 19-01-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

4. Trần Anh N, sinh ngày 31-01-1989 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Phố AC, phường SD, quận HB, Hải Phòng; tạm trú tại: Phố ĐĐ, phường TL, quận HB, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Phạm Ngọc L; có vợ là Phạm QA (không có đăng ký kết hôn), có một con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 16-01-2018; đến ngày 19-01-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Phạm Ngọc L, sinh năm 1959; địa chỉ: Phố ĐĐ, phường TL, quận HB, Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Cao Hồng H, anh Trần Trọng T2, chị Nguyễn Thị N; đều vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Bà Đoàn Thị N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 16-01-2018 Bùi Văn T, Hoàng Mạnh T1 và Trần Anh N đang ngồi uống nước tại quán nước chè của anh Trần Trọng T2 tại khu vực đối diện số nhà ... đường HB, phường SD, quận HB, Hải Phòng, lúc đó chủ quán nước là anh Trần Trọng T2 không có mặt tại quán. T, T1 và N đã rủ nhau đánh bạc được thua bằng hình thức đánh “lôc”. T lấy bộ bài tứ lơ khơ để sẵn trên mặt bàn uống nước ra chia bài. Cả nhóm chơi được một ván thì Nguyễn Duy D đến và vào chơi cùng. Cả nhóm thống nhất hình thức chơi: Dùng bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 lá bài chia cho mỗi người chơi 10 lá bài, người chia bài được đánh trước, sau đó lần lượt theo quân bài ai có số thứ tự lớn hơn thì được đánh theo thứ tự cùng chiều kim đồng hồ, ai đánh bài hết trước thì người đó là người thắng cuộc, nếu người nào không đánh được quân bài nào thì bị coi là “cháy” và phải trả cho

người thắng cuộc là 200.000 đồng; những người còn lại đếm lá bài tính tiền, mỗi cây bài còn lại tương ứng với 10.000 đồng. Sau khi chia bài xong nếu người nào “báo” thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người “báo” 300.000 đồng. Các bị can đánh bạc đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an quận Hồng Bàng bắt giữ quả tang.

Khi bắt giữ, Công an quận Hồng Bàng đã thu giữ tổng số tiền là 21.090.000 đồng, trong đó 12.090.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc thu giữ dưới chiếu bạc, còn lại có 6.000.000 đồng thu trong ví của Trần Anh N và thu trong túi quần của Nguyễn Duy D 3.000.000 đồng, không liên quan đến việc đánh bạc.

Sau khi bị bắt giữ thì T, T1, N và D không nhớ chính xác số tiền của từng người đã bỏ ra để đánh bạc. T khai bỏ ra khoảng 3.000.000 đồng, T1 khai bỏ ra khoảng 1.500.000 đồng, D khai bỏ ra khoảng hơn 1.500.000 đồng, N khai bỏ ra khoảng 500.000 đồng, dùng để đánh bạc. T, T1, N và D không nhớ cụ thể số tiền mình đã thắng hay thua nhưng cả nhóm đều thừa nhận tổng số tiền cả nhóm đã dùng để đánh bạc bị Cơ quan điều tra thu giữ dưới chiếu bạc là 12.090.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 16-01-2018 bị cáo gặp bị cáo T1 và bị cáo N tại quán nước chè vỉa hè đối diện số nhà ... đường HB, phường SD, quận HB. Lúc đó chủ quán nước không có mặt tại quán. Cả ba người đã rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “lôc”. Bị cáo đã lấy bộ bài tứ lơ khơ để trên mặt bàn chia cho N và T1. Chơi được một ván thì bị cáo D đến và vào chơi cùng. Cả nhóm thống nhất hình thức chơi được miêu tả như nội dung Cáo trạng của viện kiểm sát đã nêu ở trên. Cả nhóm chơi đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an quận Hồng Bàng bắt giữ quả tang, thu giữ tang vật dưới chiếu bạc số tiền 12.090.000 đồng và một bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài. Bị cáo không nhớ chính xác mà chỉ ước chừng đã dùng số tiền khoảng hơn 3.000.000 đồng để đánh bạc với các bị cáo khác.

Các bị cáo T1 và N khai nhận toàn bộ sự việc theo lời khai của bị cáo Thành như nội dung nêu trên. Bị cáo T1 khai bỏ ra khoảng 1.500.000 đồng và bị cáo N khai bỏ ra khoảng 500.000 đồng, dùng để đánh bạc và bị bắt giữ.

Bị cáo D khai: Khoảng 15 giờ 40 phút, ngày 16-01-2018, sau khi đi công chuyện riêng bị cáo về quán nước chè vỉa hè đối diện số nhà ... đường HB, phường SD, quận HB thì thấy các bị cáo: T, T1 và N đang ngồi chơi bài đánh “lôc”, thấy vậy bị cáo cũng vào chơi cùng. Cả nhóm chơi đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an quận Hồng Bàng bắt giữ quả tang cùng tang vật là số tiền 12.090.000 đồng dưới chiếu bạc. Bị cáo khai đã bỏ ra số tiền khoảng hơn 1.500.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt giữ thì Cơ quan Công an đã yêu cầu bị cáo lấy từ túi quần ra số tiền 3.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo N lấy trong túi quần ra số tiền 6.000.000 đồng được đựng trong một ví da. Số tiền này không liên quan gì đến việc đánh bạc của các bị cáo.

Cáo trạng số: 33/CT-VKSHB, ngày 11-6-2018, của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, đã truy tố các bị cáo: Bùi Văn T, Hoàng Mạnh T1, Trần

Anh N và Nguyễn Duy D về tội "*Đánh bạc*", theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo: Bùi Văn T, Hoàng Mạnh T1, Trần Anh N và Nguyễn Duy D như nội dung bản Cáo trạng. Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Bùi Văn T từ 06 đến 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Hoàng Mạnh T1 từ 15 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền là hình phạt chính đối với Nguyễn Duy D số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và phạt tiền Trần Anh N từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.090.000 đồng các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc. Trả lại cho bị cáo D số tiền 3.000.000 đồng bị thu giữ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành khoản tiền phạt mà bị cáo phải thi hành và trả lại cho bà Phạm Ngọc L số tiền 6.000.000 đồng. Những khoản tiền này đang bị tạm giữ trong số tiền 21.090.000 đồng theo biên lai số: AA/2010/7282, ngày 13-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Tịch thu tiêu hủy một ví giả da đã qua sử dụng và một bộ bài tú lơ khơ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Nội dung lời nói sau cùng của các bị cáo:

Các bị cáo: T, N và D không nói gì.

Bị cáo T1: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo vì hiện tại bị cáo đang phải nuôi vợ không có công việc ổn định và một con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên được phân công điều tra vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện, tuân thủ đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[1] Chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Tại phiên tòa, các bị cáo T, T1, N và D đã khai nhận toàn bộ về hành vi đánh bạc với hình thức sử dụng bộ bài tú lơ khơ chơi đánh “lốc”, sát phạt nhau bằng tiền bị Công an quận Hồng Bàng bắt giữ quả tang vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 16-01-2018 tại quán nước chè khu vực vỉa hè đối diện số nhà ... đường HB, phường SD, quận HB. Tang vật thu giữ dưới chiếu bạc là số tiền 12.090.000 đồng và một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc với nhau.

[2] Chứng cứ xác định các bị cáo không có tội: Không có.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được chứng minh bởi biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập hồi 17 giờ 05 phút, ngày 16-01-2018 tại Công an quận Hồng Bàng.

[4] Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo T, T1, N và D đã có đủ yếu tố cấu thành tội: "*Đánh bạc*", được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do vậy Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố các bị cáo T, T1, N và D về tội: "*Đánh bạc*", theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án, các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Mạnh T1 và Trần Anh N là người trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu, các bị cáo là người quen biết nhau, không ai khởi xướng, bàn bạc việc đánh bạc mà tự tiếp nhận ý chí của nhau nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Theo lời khai của các bị cáo thì số tiền bị cáo T dùng để đánh bạc nhiều nhất, số tiền bị cáo T1 và bị cáo Dg dùng để đánh bạc ngang nhau và nhiều hơn bị cáo N. Do vậy cần đánh giá vai trò và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T là cao nhất, bị cáo T1 có vai trò thấp hơn bị cáo T và cao hơn so với bị cáo D. Bị cáo D là người tham gia đánh bạc sau cùng nhưng số tiền dùng để đánh bạc nhiều hơn so với bị cáo N nên bị cáo N là người có mức độ và vai trò thấp nhất trong số các bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân bị cáo T có ba tiền án: Án số .../HSST, ngày ...-...-1997, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích và án số .../HSST, ngày ...-...-2004, Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp với hình phạt của bản án số .../HSST, ngày ...-...-2003, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là 09 năm tù kể từ ngày 08-6-2003. Trong đó Bản án số .../HSST, ngày ...-...-2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án do bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền bồi thường dân sự cho Cơ sở giáo dục TH - Cục V - Bộ Công an với số tiền 10.000.000 đồng. Nên lần này phạm tội bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng: *Tái phạm*, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T1, N và D đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như tại giai đoạn điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T1, N và D nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T có bố đẻ là ông Bùi Khánh L là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường dân sự cho Cơ sở giáo dục TH - Cục V - Bộ Công an theo quyết định tại Bản án số .../HSST, ngày ...-...-2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; nên bị cáo còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an chung cho xã hội, do vậy hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý trước pháp luật.

[9] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo T có vai trò cao nhất, phạm tội thuộc trường hợp *Tái phạm* như đã phân tích ở trên nên cần phải xử lý buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo T1 có vai trò thấp hơn bị cáo T, nhân thân không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, mà chỉ cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt Cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo hiện là Nhân viên ký hợp đồng lao động dài hạn với Công ty TNHH Y, Khu công nghiệp N, là người có việc làm và thu nhập ổn định, theo khai báo của bị cáo thu nhập lương bình quân của bị cáo là hơn 6.000.000 đồng/tháng. Do vậy, trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ cần khâu trừ một

phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo N và D tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, số tiền dùng để đánh bạc ít, bản thân bị cáo D là công nhân nghỉ chế độ hưu trí nên chỉ cần xử phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.0000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Xét các bị cáo T, N và D đều là những người không có việc làm và thu nhập ổn định, bị cáo T1 là người có việc làm và thu nhập ổn định nhưng đã bị khấu trừ thu nhập hàng tháng như đã nêu trên nên miễn áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Khi bắt giữ, Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 ví da màu nâu đã cũ và số tiền 21.090.000 đồng.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài là vật dụng mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc, hiện không còn giá trị sử dụng và 01 ví da màu nâu đã cũ thu của bị cáo N, là tài sản riêng của bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc, hiện không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa bị cáo N không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 21.090.000 đồng đã thu giữ của các bị cáo xử lý như sau:

Số tiền 12.090.000 đồng đã được các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc với nhau nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 3.000.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu của bị cáo D là tài sản riêng của bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc và không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành khoản tiền phạt và tiền án phí mà bị cáo phải thi hành.

Số tiền 6.000.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu của bị cáo N là tiền của bà Phạm Ngọc L (mẹ đẻ bị cáo N) đưa cho bị cáo N đi mua ti vi cho gia đình, bị cáo N không sử dụng vào việc đánh bạc và không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo N đề nghị trả lại số tiền trên cho bà L; bà L nêu ý kiến đề nghị được nhận lại số tiền nên cần trả lại số tiền 6.000.000 đồng cho bà L.

Áp dụng quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý các vật chứng nêu trên.

[12] Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bùi Văn T (tên gọi khác là Bùi Văn M) 06 (sáu) tháng tù, về tội Đánh bạc; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khi thi hành án bị cáo được trừ 03 (ba) ngày bị tạm giữ (từ ngày 16-01-2018 đến ngày 19-01-2018).

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Hoàng Mạnh T1 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, về tội Đánh bạc; Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khi thi hành án bị cáo được trừ 03 (ba) ngày bị bắt tạm giữ (từ ngày 16-01-2018 đến ngày 19-01-2018), quy đổi bằng 09 (chín) ngày Cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ bị cáo Hoàng Mạnh T1 bị khấu trừ thu nhập hàng tháng với số tiền là 1.200.000 đồng/tháng (một triệu hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao Hoàng Mạnh T1 cho UBND phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo và Công ty TNHH Y, khu Công nghiệp N có trách nhiệm phối hợp với UBND phường SD, quận HB trong việc giám sát, giáo dục Hoàng Mạnh T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Duy D 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, về tội Đánh bạc, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trần Anh N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, về tội Đánh bạc, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy một ví giả da và một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.090.000 (mười hai triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng.

Trả lại cho bị cáo D số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành khoản tiền phạt mà bị cáo phải thi hành.

Trả lại cho bà Phạm Ngọc L số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Các khoản tiền nêu trên đang bị tạm giữ trong số tiền 21.090.000 đồng, theo biên lai số: AA/2010/7282, ngày 13-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng

Mạnh T1, Nguyễn Duy D và Trần Anh N đều phải nộp mỗi người số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- CQĐT - Công an quận Hồng Bàng;
- CQTHAHS - Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Các bị cáo; người liên quan;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên